FERMAT Education

Thailand International Mathematical Olympiad

TIMO

KẾT QUẢ VÒNG LOẠI QUỐC GIA
KỲ THI OLYMPIC TOÁN HỌC QUỐC TẾ TIMO 2021-2022

Đơn vị: Trường tiểu học Cao Bá Quát - Gia Lâm - Hà Nội

ĐIỂM CHUẨN:

Khối Mầm non: 32 điểm; Khối 1: 32 điểm; Khối 2: 40 điểm; Khối 3: 36 điểm; Khối 4: 36 điểm; Khối 5: 36 điểm;
Khối 6: 32 điểm; Khối 7: 36 điểm; Khối 8: 36 điểm; Khối 9: 36 điểm; Khối THPT: 32 điểm

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Khối	Lớp	Điểm thi
1	T990042	LÊ QUỲNH ANH	21/09/2015	1	1A3	**88**
2	T990048	NGUYỄN BẢO ANH	24/12/2015	1	1A3	**vắng**
3	T990059	NGUYỄN NHẬT ANH	29/07/2015	1	1	**vắng**
4	T990068	TRẦN MINH ANH	19/02/2015	1	1A3	**68**
5	T990107	NGUYỄN QUỲNH CHI	18/09/2015	1	1A3	**80**
6	T990133	NGUYỄN ANH ĐỨC	08/03/2015	1	1A2	**88**
7	T990146	NGUYỄN GIA HÂN	19/06/2015	1	1A1	**76**
8	T990180	TRỊNH NGUYÊN KHANG	05/09/2015	1	1A2	**100**
9	T990224	PHẠM NGỌC KHÁNH LY	19/01/2015	1	1A1	**88**
10	T990239	NGUYỄN LÊ ĐỨC MINH	10/11/2015	1	1A3	**96**
11	T990312	VÕ THÁI PHONG	01/07/2015	1	1A6	**96**
12	T990333	NGUYỄN NGỌC MINH QUÂN	22/05/2015	1	1A3	**80**
13	T990375	TRẦN BẢO TRÂN	21/01/2015	1	1A3	**88**
14	T990428	CHU QUỐC ANH	28/03/2014	2	2A3	**52**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Khối	Lớp	Điểm thi
15	T990532	NGUYỄN GIA BẢO	18/09/2014	2	2A3	**96**
16	T990583	NGUYỄN DIỆP CHI	07/08/2014	2	2A1	**76**
17	T990647	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	17/04/2014	2	2A7	**96**
18	T990657	QUÁCH HẢI ĐĂNG	18/12/2014	2	2A4	**84**
19	T990669	VŨ ANH ĐỨC	12/02/2014	2	2A6	**92**
20	T990680	PHẠM DUY HẢI	24/07/2014	2	2A7	**88**
21	T990824	PHẠM MINH LÂM	10/09/2021	2	2A4	**92**
22	T990838	ĐỒNG PHƯƠNG LINH	26/01/2014	2	2A7	**64**
23	T990870	VŨ PHẠM THÙY LINH	26/08/2014	2	2A6	**84**
24	T990871	BÙI ĐỨC LONG	21/09/2014	2	2A3	**56**
25	T990931	PHAN HOÀNG BẢO MINH	08/01/2014	2	2A7	**76**
26	T990999	LÊ BÌNH NGUYÊN	07/04/2014	2	2a2	**64**
27	T991003	NGUYỄN KHÔI NGUYÊN	21/06/2014	2	2A1	**72**
28	T991039	VŨ THANH PHONG	08/02/2014	2	2A4	**92**
29	T991107	ĐẶNG TIẾN THÀNH	09/04/2014	2	2A7	**88**
30	T991223	NGUYEN TAN AN	28/05/2012	4	4A4	**40**
31	T991244	ĐẶNG QUANG ANH	15/01/2013	3	3A3	**32**
32	T991365	BÙI KHẮC DƯƠNG	01/01/2013	3	3A2	**28**
33	T991403	TRẦN KHÁNH GIANG	08/02/2013	3	3A1	**48**
34	T991409	NGUYỄN LÊ THANH HÀ	17/01/2013	3	3A3	**96**
35	T991418	NGUYỄN PHÚ HẢI	07/08/2013	3	3A6	**88**
36	T991465	NGUYỄN ĐẮC GIA HƯNG	04/09/2013	3	3A5	**84**
37	T991492	HÀ ĐĂNG KHOA	28/06/2013	3	3A2	**80**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Khối	Lớp	Điểm thi
38	T991502	NGUYỄN NHẬT KHÔI	07/01/2013	3	3A1	**68**
39	T991512	NGUYỄN GIA TUẤN KIỆT	31/08/2013	3	3A4	**48**
40	T991525	ĐẶNG KHÁNH LÂM	15/02/2013	3	3A1	**72**
41	T991554	LÊ DIỆU LINH	19/11/2013	3	3A4	**64**
42	T991571	PHAN NGỌC LINH	12/11/2013	3	3A1	**52**
43	T991575	TỐNG GIA LINH	09/08/2013	3	3a2	**56**
44	T991595	QUÁCH GIA LỘC	22/07/2012	4	4A5	**92**
45	T991601	VŨ LÊ CHI MAI	27/10/2013	3	3A4	**36**
46	T991602	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	25/05/2013	3	3A6	**88**
47	T991615	NGUYỄN HOÀNG MINH	01/03/2013	3	3A4	**92**
48	T991669	LÊ NGUYỄN BẢO NGỌC	30/12/2013	3	3A5	**vắng**
49	T991674	PHẠM VŨ KHÁNH NGỌC	08/03/2013	3	3A4	**60**
50	T991696	BÙI TUỆ NHI	23/07/2013	3	3A3	**96**
51	T991703	MẠC TRẦN KHÁNH NHUNG	10/01/2013	3	3A4	**40**
52	T991711	QUÁCH GIA PHÁT	18/12/2013	3	3A6	**40**
53	T991726	PHẠM CHẤN PHONG	01/01/2013	3	3a7	**88**
54	T991732	CAO ĐĂNG PHÚ	01/11/2013	3	3A4	**vắng**
55	T991778	PHẠM MINH QUÂN	07/01/2013	3	3A1	**64**
56	T991810	NGUYỄN NGUYÊN THẢO	10/02/2013	3	3A5	**88**
57	T991812	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	26/02/2013	3	3A4	**72**
58	T991817	TRẦN ĐỨC THIỆN	27/08/2013	3	3A5	**48**
59	T991897	LÊ HÀ VY	31/08/2013	3	3A2	**vắng**
60	T991909	NGUYỄN KHÁNH AN	14/06/2012	4	4A1	**76**
61	T991917	BÙI VÂN ANH	21/04/2012	4	4a8	**96**
62	T991930	NGUYỄN BÁ QUANG ANH	21/05/2012	4	4A7	**56**
63	T991980	TRẦN ANH BÌNH	05/06/2012	4	4A5	**48**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Khối	Lớp	Điểm thi
64	T991982	ĐÀO DUY CẢNH	21/11/2012	4	4A1	**72**
65	T991983	BÙI BẢO CHÂU	11/04/2012	4	4A9	**52**
66	T992013	PHAN HÀ THẢO CHI	11/09/2012	4	4A1	**100**
67	T992030	TẠ TIẾN DŨNG	12/01/2012	4	4A9	**92**
68	T992079	ĐÀO NGỌC HÀ	22/06/2012	4	4A1	**32**
69	T992165	PHẠM NGỌC HƯỞNG	08/05/2012	4	4A5	**32**
70	T992179	DƯƠNG ĐỨC KHÁNH	11/12/2012	4	4A5	**56**
71	T992188	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	28/07/2012	4	4A7	**36**
72	T992229	PHẠM TÙNG LÂM	11/09/2012	4	4A5	**16**
73	T992232	TRẦN TUỆ LÂM	16/09/2012	4	4a8	**44**
74	T992251	NGUYỄN VĨNH THỦY LINH	17/07/2012	4	4A5	**76**
75	T992288	ĐỖ HIẾU MINH	17/05/2012	4	4A2	**100**
76	T992425	AN PHƯƠNG NHI	21/06/2012	4	4a10	**68**
77	T992520	NGUYỄN MINH QUÂN	30/06/2012	4	4A6	**88**
78	T992550	PHẠM PHƯƠNG THANH	10/02/2012	4	4A2	**84**
79	T992576	VŨ PHƯƠNG THỦY	01/03/2012	4	4a8	**36**
80	T992634	ĐỒNG ÁNH TUYẾT	30/10/2012	4	4A1	**68**
81	T992657	HÀ CÔNG ANH VŨ	07/08/2012	4	4A5	**92**
82	T992678	NGUYỄN THỊ HẢO XIÊM	23/03/2012	4	4A8	**84**
83	T992709	NGUYỄN DƯƠNG HÀ ANH	25/05/2011	5	5A7	**64**
84	T992743	NGUYỄN ANH GIA BẢO	18/02/2011	5	5A7	**36**
85	T992751	TRỊNH NGỌC GIA BẢO	06/12/2011	5	5A8	**88**
86	T992784	DO TIEN THANH DAI	20/02/2011	5	5A4	**44**
87	T992795	ĐINH QUANG DŨNG	18/06/2011	5	5A4	**64**
88	T992826	NGUYỄN ĐỨC ĐÔ	19/06/2011	5	5A5	**vắng**
89	T992838	ĐINH THÀNH GIANG	10/01/2011	5	5A3	**48**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Khối	Lớp	Điểm thi
90	T992851	NGUYỄN NGỌC KHÁNH HÀ	23/11/2011	5	5A8	**96**
91	T992866	BÙI MINH HẰNG	04/01/2011	5	5a6	**32**
92	T992870	NGÔ HOÀNG GIA HÂN	15/01/2011	5	5a1	**68**
93	T992899	NGUYỄN NHẬT HUY	12/08/2011	5	5A7	**76**
94	T992925	BÙI GIA KHÁNH	25/06/2011	5	5A7	**72**
95	T992946	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	14/12/2011	5	5A1	**vắng**
96	T992950	PHẠM VĂN KHOA	01/02/2011	5	5A3	**60**
97	T992961	HOÀNG NHÂN KIỆT	23/06/2011	5	5A5	**44**
98	T992970	PHẠM NGUYÊN LÂM	14/06/2011	5	5A2	**64**
99	T992979	HÀ NGỌC PHƯƠNG LINH	02/10/2011	5	5A7	**72**
100	T993010	TRẦN KHÁNH LY	26/01/2011	5	5A1	**84**
101	T993043	PHẠM TUỆ MINH	22/09/2011	5	5A3	**68**
102	T993090	DƯƠNG HỒNG NGỌC	18/04/2011	5	5A8	**80**
103	T993119	VŨ DUY PHONG	26/05/2011	5	5A8	**96**
104	T993133	TRẦN THỊ LAN PHƯƠNG	07/02/2011	5	5A3	**56**
105	T993205	NGUYỄN THANH TRÚC	21/09/2011	5	5A7	**64**
106	T993209	HOÀNG MINH TRUNG	22/05/2011	5	5a7	**80**
107	T993216	TRẦN THÁI TUẤN	08/02/2011	5	5A3	**36**
108	T993220	NGUYỄN KHÁNH TÙNG	24/04/2011	5	5A3	**76**
109	T993774	NGUYỄN NGỌC BẢO AN	02/01/2014	2	2A4	**84**
110	T993780	NGUYEN TUAN MINH	03/10/2015	1	1A2	**vắng**
111	T993781	NGUYỄN QUANG MINH	28/05/2013	3		**76**
112	T993783	PHẠM GIA PHÁT	26/12/2011	5		**68**